

Bài 13: Việt Nam Cộng Hòa

Hoàng Đình Hiếu

Sau khi ổn định hơn 1 triệu người từ miền Bắc di cư vào miền Nam sau ngày 20 tháng 7 năm 1954, người chịu trách nhiệm chính trị ở miền Nam lúc bấy giờ là Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã mở cuộc trưng cầu dân ý ngày 23 tháng 10 năm 1955 về một thể chế dân chủ mà nhân dân miền Nam Việt Nam muốn lựa chọn. Kết quả cuộc trưng cầu dân ý là chấm dứt chế độ quân chủ, thành lập chế độ Cộng Hòa.

Ngày 26 tháng 10 năm 1955 quốc gia Việt Nam Cộng Hòa được thành lập theo chế độ bầu cử tổng thống như ở Hoa Kỳ hiện nay. Ngày 5 tháng 3 năm 1956 Quốc Hội lập hiến ra đời, soạn thảo hiến pháp, cắt đứt mọi liên hệ với thực dân phong kiến. Miền Nam Việt Nam trở thành một nước độc lập, có chủ quyền, đặt quan hệ ngoại giao bình đẳng với các nước thuộc khối tự do trên thế giới.

Khi công cuộc xây dựng đất nước đang tiến hành với nhiều thành quả tốt đẹp, thì đã có những âm mưu quốc tế muốn can thiệp vào nội bộ Việt Nam. Ở miền Bắc Cộng Sản có Liên Xô và Trung Cộng gây áp lực; ở miền Nam, có Hoa Kỳ can thiệp để quyền lợi của các cường quốc nói chung có ảnh hưởng vào đời sống chính trị kinh tế, xã hội của Việt Nam ngày càng nhiều hơn.

Trong hoàn cảnh như vậy, tại miền Nam Việt Nam, một tướng lĩnh thay vì lo bảo vệ tổ quốc lại làm nên cuộc đảo chánh đẫm máu ngày 1 tháng 11 năm 1963, giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm và hai bào đệ của ông là Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn.

Nền đệ nhất Cộng Hòa chết yểu, đẩy miền Nam Việt Nam vào cuộc khủng hoảng chính trị từ năm 1963 đến năm 1967.

Nền đệ nhị Cộng Hòa khai sinh với sự đắc cử tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ngày 4 tháng 9 năm 1967. Nhưng vào thời điểm này, miền Nam Việt Nam đã bị khủng hoảng chính trị, lại thêm sự quấy phá của Mặt Trận Giải Phóng ra đời năm 1960. Ngoài ra, chính giới Hoa Kỳ, do ngoại trưởng Henry Kissinger thao túng, đã bí mật đi đêm với miền Bắc, ép buộc Việt Nam Cộng Hòa phải ký Hiệp Định Paris ngày 27 tháng 1 năm 1973, để Hoa Kỳ rút quân tham chiến về nước, đồng thời cắt giảm viện trợ cho miền Nam Việt Nam. Trong hoàn cảnh không thể xoay sở để chống trả sự tấn công mãnh liệt của miền Bắc, có Liên Xô và Trung Cộng yểm trợ dồi dào, Việt Nam Cộng Hòa mất dần các điểm xung yếu ngoài mặt trận dẫn đến việc miền Nam Việt Nam bị mất vào tay Cộng Sản ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Trong những ngày cuối của nền Đệ Nhị Cộng Hòa, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã từ chức và Phó Tổng thống Trần Văn Hương lên thay ngày 21 tháng 4 năm 1975. Tổng Thống Trần Văn Hương cũng chỉ nắm chức vụ trong 7 ngày. Ngày 28 tháng 4 năm 1975, Đại Tướng Dương Văn Minh lên thay làm tổng thống và đã đầu hàng vô điều kiện, giao miền Nam cho Cộng Sản vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, nền Đệ Nhị Cộng Hòa cáo chung.

TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA

Hiến pháp 1967 xác lập cơ cấu tổ chức chính quyền Việt Nam Cộng Hòa rất hoàn chỉnh, theo mô hình của nhà nước Hoa Kỳ. Hiến pháp năm 1967 đã nêu rõ nguyên tắc tam quyền phân lập. Điều 3 Hiến pháp 1967 viết: *“Ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp phải được phân nhiệm và phân quyền rõ rệt. Sự hoạt động của 3 cơ quan công quyền phải được phối hợp và điều hoà.”*

LẬP PHÁP

Quyền lập pháp thuộc về Quốc Hội với Hạ Nghị Viện (thành viên được gọi là dân biểu, nhiệm kỳ 4 năm) và Thượng Nghị Viện (thành viên được gọi là nghị sĩ, nhiệm kỳ 6 năm). Quốc hội có những quyền hạn sau:

- Biểu quyết các đạo luật.
- Phê chuẩn các hiệp ước và hiệp định quốc tế.
- Quyết định việc tuyên chiến và nghị hoà, quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh.
- Kiểm soát chính phủ trong việc thi hành chính sách quốc gia.
- Hợp thức hóa sự đắc cử của dân biểu hoặc nghị sĩ quốc hội.
- Quyền khuyến cáo thay thế từng phần hay toàn thể chính phủ với đa số 2/3 tổng số dân biểu và nghị sĩ. Nếu tổng thống không có lý do đặc biệt để khước từ, sự khuyến cáo sẽ có hiệu lực. Trong trường hợp tổng thống khước từ, quốc hội có quyền chung quyết sự khuyến cáo với đa số 3/4 tổng số dân biểu và nghị sĩ.

HÀNH PHÁP

▪ *Tổng Thống*

Tổng thống là người nắm quyền hành pháp, do dân bầu lên với nhiệm kỳ 5 năm và có những quyền hạn sau:

- Ban hành các đạo luật.

- Hoạch định chính sách quốc gia.
 - Bổ nhiệm thủ tướng và các thành viên của chính phủ, cải tổ một phần hay toàn bộ chính phủ (hoặc tự ý, hoặc sau khi có sự khuyến cáo của quốc hội).
 - Bổ nhiệm các đại sứ, các tỉnh trưởng, thị trưởng, đô trưởng.
 - Chủ tọa Hội Đồng Tổng Trưởng.
 - Tổng tư lệnh tối cao của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.
 - Chủ tịch Hội Đồng An Ninh Quốc Gia.
 - Ký kết và ban hành các hiệp ước và hiệp định quốc tế.
 - Tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm bằng sắc luật.
- ***Phó Tổng thống***
Phó Tổng thống có những nhiệm vụ sau:
 - Chủ tịch Hội Đồng Văn Hoá Giáo Dục.
 - Chủ tịch Hội Đồng Kinh Tế Xã Hội.
 - Chủ tịch Hội Đồng Các Sắc Tộc.
 - Phó Tổng thống không được kiêm nhiệm một chức vụ nào trong Chính phủ.
 - ***Thủ Tướng***
Thủ tướng điều khiển chính phủ và các cơ cấu hành chính quốc gia. Thủ tướng chịu trách nhiệm về sự thi hành chính sách quốc gia trước tổng thống. Thủ tướng do tổng thống bổ nhiệm.
 - ***Các Bộ Trong Chính Quyền Trung Ương***
Chính quyền được tổ chức thành 19 Bộ:
 1. Bộ Ngoại Giao.
 2. Bộ Quốc Phòng.
 3. Bộ Nội Vụ.
 4. Bộ Thông Tin.
 5. Bộ Chiêu Hồi.
 6. Bộ Tài Chánh.
 7. Bộ Kinh Tế.

8. Bộ Tư Pháp.
9. Bộ Phát Triển Nông Thôn.
10. Bộ Cải Cách Điền Địa và Phát Triển Nông-Ngư Nghiệp.
11. Bộ Công Chánh.
12. Bộ Giao Thông và Bưu Điện.
13. Bộ Giáo Dục.
14. Bộ Y Tế.
15. Bộ Xã Tội.
16. Bộ Lao Động.
17. Bộ Cựu Chiến Binh.
18. Bộ Phát Triển Sắc Tộc.
19. Bộ Đặc Trách Liên Lạc Quốc Hội.

Đứng đầu các bộ là các tổng trưởng hoặc bộ trưởng. Các tổng trưởng và bộ trưởng là các thành viên của chính phủ, thành viên của Hội Đồng Nội Các (Hội Đồng Tổng Trưởng). Các tổng trưởng, bộ trưởng do thủ tướng đề nghị lên tổng thống, tổng thống bổ nhiệm.

Thủ tướng và các thành viên chính phủ có thể tham dự các phiên họp của quốc hội hoặc của các ủy ban để trình bày và giải quyết về các vấn đề liên quan đến chính sách quốc gia và sự thi hành các chính sách quốc gia do tổng thống hoạch định.

▪ ***Chính Quyền Địa Phương***

- Đô thành Sài Gòn, thị xã, tỉnh: đứng đầu là đô trưởng, thị trưởng, tỉnh trưởng.
- Cấp xã: đứng đầu là xã trưởng.

TƯ PHÁP

▪ ***Tối Cao Pháp Viện***

Tối Cao Pháp Viện gồm 9 thẩm phán, do quốc hội tuyển chọn và tổng thống bổ nhiệm trên danh sách do Tối Cao Pháp Viện và Bộ Tư Pháp lập ra. Nhiệm kỳ của thẩm phán Tối Cao Pháp Viện là 6 năm. Tối Cao Pháp Viện có những quyền hạn sau đây:

- Giải thích hiến pháp, phán quyết về tính hợp hiến hay không hợp hiến của các Đạo Luật, Sắc Luật, Sắc Lệnh, Nghị Định, Quyết Định Hành Chính.
- Phán quyết về việc giải tán một chính đảng có chủ trương và hành động chống lại chính thể cộng hòa.

Những quyết định của Tối cao Pháp viện tuyên bố một đạo luật không hợp hiến hoặc giải tán một chính đảng phải được 3/4 tổng số thẩm phán tán thành.

▪ ***Đặc Biệt Pháp Viện***

Đặc Biệt Pháp Viện gồm có chủ tịch Tối Cao Pháp Viện và 10 dân biểu, nghị sĩ, có thẩm quyền truất quyền tổng thống, phó tổng thống, thủ tướng, tổng trưởng, bộ trưởng, thẩm phán Tối Cao Pháp Viện trong trường hợp can tội phản quốc và các trọng tội khác.

▪ ***Giám Sát Viện***

Giám sát viện gồm từ 9-18 giám sát viên, 1/3 do quốc hội, 1/3 do tổng thống và 1/3 do Tối Cao Pháp Viện chỉ định. Giám Sát Viện có thẩm quyền:

- Thanh tra, kiểm soát và điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân can tội tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế.
- Kiểm kê tài sản của nhân viên các cơ quan công quyền, kể cả tổng thống, phó tổng thống, thủ tướng, dân biểu, nghị sĩ và chủ tịch Tối Cao Pháp Viện.
- Có quyền đề nghị các biện pháp chế tài và kỷ luật hoặc yêu cầu truy tố trước tòa án có thẩm quyền những đương sự phạm lỗi.
- Thẩm tra kế toán các cơ quan công quyền và hợp doanh.

▪ ***Cơ Quan Tư Pháp Địa Phương***

Ở địa phương, có các tòa án thường (gồm các tòa Thượng Thẩm, tòa Đại Hình, tòa Sơ Thẩm, tòa Hòa Giải, tòa Vi Cảnh) và các tòa án đặc biệt (gồm các tòa Hành Chính, tòa Lao Động, tòa Điền Địa, tòa Thiếu Nhi, tòa Cấp Dưỡng, tòa Sắc Tộc, tòa Quân Sự Đặc Biệt – trong đó có các tòa Quân Sự tại mặt trận).

